

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2025
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bút;

Ông Đoàn Kim Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa:* bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 333/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp QA, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. có mặt.

Bị đơn: ông Đoàn Hồng N, sinh năm: 1994; địa chỉ: ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT. có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 9/9/2024 và tại phiên tòa hôm nay (bà H) trình bày: bà với ông N quen biết rồi tự nguyện kết hôn có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã LT vào ngày 21/6/2019. Sau khi về chung sống thì ông bà có nhiều suy nghĩ khác biệt cự cãi không cùng tiếng nói với nhau, có nhiều vấn đề không phù hợp, không đồng quan điểm.

Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân và tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể hàng gấn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên:

Về hôn nhân: bà H yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông N và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: có 02 người con chung tên Đoàn Nguyễn Yên N, sinh ngày 08/02/2021 và Đoàn Nguyễn Yên N1, sinh ngày 29/10/2019, hiện đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000đồng đến khi hai cháu trưởng thành, thời hạn tính từ ngày xét xử.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn (ông N) mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại văn bản trình bày ý kiến ngày 07/02/2025 ông N có ý kiến như sau: ông N còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn .

Về con chung: ông với bà H có hai người con chung tên Đoàn Nguyễn Yên N, sinh ngày 08/02/2021 và Đoàn Nguyễn Yên N1, sinh ngày 29/10/2019, sau khi ly hôn ông N yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu bà H nuôi con thì ông N cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông như nội dung đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, Điều 51, 56, 81, 82 của Luật HNGĐ 2014:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn đối với ông Đoàn Hồng N.

Về con chung: bà H được quyền nuôi dưỡng hai cháu là Đoàn Nguyễn Yên N1 và Đoàn Nguyễn Yên N. Đình chỉ yêu cầu của bà H yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho 02 con 1.500.000 đồng/tháng, ông N không phải cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] . Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông N nên đây là vụ kiện: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông N hiện đang cư trú tại ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà H và ông N là trên cơ sở tự nguyện và tiến đến hôn nhân, không có sự ép buộc. Ông bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H cho rằng quan hệ hôn nhân của bà với ông N đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông bà đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà, nhưng ông N cố tình vắng mặt không lý do, chứng tỏ ông N không có thiện chí để tòa hòa giải hàn gắn.

Mặc khác, bà H cho rằng ông N cũng không có động thái hòa giải hàn gắn từ khi ông bà có tranh chấp thì bà H đã về cha mẹ ruột sống từ năm 2021 đến nay, nhưng ông N cũng không đến trao đổi hàn gắn, mà mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa bà H vẫn cương quyết ly hôn.

Điều đó cho thấy, hôn nhân của ông N, bà H đã có sự rạn nứt và không thể hàn gắn được. Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: trong quá trình sống chung bà H, ông N có tạo ra 02 người con chung tên Đoàn Nguyễn Yến N, sinh ngày 08/02/2021 và Đoàn Nguyễn Yến N1, sinh ngày 29/10/2019, hiện đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000đồng đến khi hai cháu trưởng thành, thời hạn tính từ ngày xét xử.

Xét thấy, hiện tại hai cháu vẫn còn nhỏ và từ khi ông N, bà H sống ly thân từ năm 2021 đến nay, bà H đã chăm sóc chu đáo cho các cháu, hơn nữa bà H có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng, nên việc giao cháu N, cháu N1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa bà H rút yêu cầu xin cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc bà H rút một phần cầu về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và không trái đạo đức nên căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ là phù hợp.

[5] Tài sản và nợ chung: bà H, ông N đều xác định không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Đoàn Hồng N.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung của bà với ông N là cháu Đoàn Nguyễn Yến N, sinh ngày 08/02/2021 và cháu Đoàn Nguyễn Yến N1, sinh ngày 29/10/2019, hiện hai cháu đang sống với bà H.

- Đình chỉ yêu cầu xin cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn rút một phần yêu cầu tại phiên tòa.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà H nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0005640, ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã LT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG